

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯỜI TÁM: TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cầu Bát-nhã Ba-la-mật nên như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân. Bồ-tát ấy hiện ở chỗ Phật Đại Lôi Âm, hành đạo Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát Tát-đà-ba-luân làm thế nào cầu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân khi cầu Bát-nhã Ba-la-mật không tiếc thân mạng, không cầu danh lợi, ở chỗ núi rừng trống vắng, nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Nay thiện nam tử! Nên đi về phương Đông, chớ nghĩ đến mệt nhọc, chớ nghĩ đến ngủ nghỉ, chớ nghĩ đến ăn uống, chớ nghĩ đến ngày đêm, chớ nghĩ đến lạnh nóng, chớ nghĩ đến trong ngoài. Nay thiện nam tử! Khi đi chớ ngó qua phải trái, khi đi chớ hủy hoại tướng thân, chớ hủy hoại tướng sắc, chớ hủy hoại tướng thọ, tướng, hành, thức. Vì sao? Vì nếu hủy hoại các tướng ấy thì đối với Phật pháp có chướng ngại. Nếu đối với Phật pháp có chướng ngại, thì qua lại trong năm đường sinh tử, cũng không thể được Bát-nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp lại tiếng giữa hư không: Tôi sẽ theo lời dạy bảo. Vì sao? Vì tôi muốn vì hết thảy chúng sinh làm ánh sáng lớn, muốn tập hợp hết thảy Phật pháp, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lại nghe giữa hư không nói rằng: Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đối với Không, Vô tướng, Vô tác nên sinh tín tâm, đem tâm lìa tướng mà cầu Bát-nhã Ba-la-mật; lìa tướng ngã cho đến lìa tướng kẻ biết kẻ thấy; nên xa lìa ác tri thức, nên gần gũi cúng dường thiện tri thức. Những ai là thiện tri thức? Là những người nói pháp Không, Vô tướng, Vô tác, không sinh, không diệt và trí Nhất thiết chủng, làm cho người khác vào cái vui hoan hỷ, tín thọ; ấy là thiện tri thức. Nay thiện nam tử! Nếu ông hành được như vậy thì không bao lâu sẽ nghe được Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc nghe từ trong kinh, hoặc nghe từ Bồ-tát nói. Nay thiện nam tử! Ở chỗ ông được nghe Bát-nhã Ba-la-mật nên sinh tâm tưởng như Phật. Nay thiện nam tử! Ông nên biết ơn, nghĩ rằng, từ chỗ được nghe Bát-nhã Ba-la-mật tức

là thiện tri thức của ta, ta nhờ nghe pháp ấy nên mau được không thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gần gũi chư Phật, thường sinh trong nước có Phật, xa lìa các nạn, được chỗ đầy đủ không có hoạn nạn. Nay thiện nam tử! Nên suy nghĩ trừ lượng công đức ấy, đối với chỗ được nghe pháp nên sinh tâm tưởng như Phật. Nay thiện nam tử! Chớ đem tâm lợi dưỡng thế gian mà đi theo pháp sư, chỉ vì tâm yêu pháp, cung kính pháp nên đi theo Bồ-tát thuyết pháp. Bấy giờ nên rõ biết việc ma: Hoặc ác ma làm ra nhân duyên năm dục, giả vờ vì Bồ-tát thuyết pháp, nên khiến lãnh thọ. Nếu Bồ-tát thuyết pháp vào được pháp môn chân thật, do công đức ấy nên lãnh thọ mà không bị ô nhiễm. Lại do việc ma nên lãnh thọ năm dục: Một, vì có sức phước thiện; hai, vì khiến chúng sinh gieo trồng căn lành; ba, vì muốn đồng sự với chúng sinh. Ông ở trong ấy chớ sinh tâm ô nhiễm, nên khởi tướng thanh tịnh, tự nghĩ rằng: Ta chưa biết Âu-hòa-câu-xá-la, mà đại sư dùng phước thiện vì độ chúng sinh, khiến được phước đức nên lãnh thọ năm dục ấy; đối với trí tuệ không chấp trước, không ngại, không bị dục làm ô nhiễm. Nay thiện nam tử! Phải quán chân chính thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp là hết thấy pháp không như, không sạch. Vì sao? Vì hết thấy pháp tự tính là Không, không có chúng sinh, không có nhân, không có ngã. Hết thấy pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như hóa. Nay thiện nam tử! Quán thật tướng các pháp ấy rồi nên theo pháp sư, ông không bao lâu sẽ thành tựu được Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, nay thiện nam tử! Ông lại nên rõ biết việc ma. Nếu Bồ-tát thuyết pháp, thấy người muốn lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật mà không để ý đến thì ông không nên khởi sinh oán hận. Ông chỉ nên vì pháp, nên cung kính, chớ khởi tâm nhằm chán, giải đãi, thường nên đi theo pháp sư.

LUẬN: Phẩm trên hỏi, đối với Bồ-tát mới phát tâm, làm thế nào dạy về tính Không? Vì pháp tính Không là rất ráo không, không có sở hữu, khó hiểu, khó biết? Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại: Pháp trước có mà nay không ư? Ý Phật muốn nói rằng, pháp tính Không ấy chẳng phải khó được, khó hiểu. Vì sao? Vì xưa nay thường không, lại không có cái mới khác, cứ gì tâm ông sợ hãi cho rằng khó được? Pháp tính Không ấy tuy sâu xa, mà Bồ-tát chỉ có thể nhất tâm siêng tinh tấn, không tiếc thân mạng, đem nhất tâm cầu như vậy thì có thể được. Trong đây nêu việc đời trước của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân để làm chứng. Phật pháp có mười hai bộ loại kinh. Hoặc có người nhân Khế kinh, Phúng tụng, Bản

sinh mà được độ; nay Phật đem kinh Bản sinh để làm chứng. Như có người nghe nghĩ rằng, người kia có thể được thì ta cũng có thể được! Vì thế mà nêu nhân duyên đời trước của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân để làm chứng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cầu Bát-nhã Ba-la-mật nên như Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật rất ráo không, không có tướng, thì hành thiền định còn khó được, huống nữa là ưu sầu, khốc lóc, tán tâm tìm cầu mà có thể được?

Đáp: Vì Bồ-tát mới phát tâm nên dẫn nói Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát mới phát tâm, thì mười phương chư Phật làm thế nào hiện ở trước người đó khiến được các tam-muội, không tiếc thân và thấy Đàm-vô-kiệt? Lại được vô lượng vô số tam-muội, cớ sao gọi là mới phát tâm?

Đáp: Bồ-tát mới học có hai hạng: Một là tâm đắm trước với cái vui thế gian, phát tâm mềm yếu; hai là phát tâm sâu xa, không đắm trước thế gian. Phát tâm mềm yếu thì Phật không cho là phát tâm; phát tâm sâu xa mới gọi là phát tâm. Như trong pháp Thanh-văn, Phật nói với hai Tỳ-kheo: “Ở trong pháp Ta, cho đến không có chút noãn pháp như mảy lông”. Phật xem noãn pháp là rất nhỏ, người phàm phu xem cho là lớn. Thí như vị quốc vương thấy một tấm vải thì không cho là nhiều, còn người nghèo thấy thì cho là nhiều. Vì nhất tâm không tiếc thân mạng nên nêu Tát-đà-ba-luân làm chứng.

Hỏi: Nếu Bồ-tát Tát-đà-ba-luân có thể khổ hạnh được như vậy, từ nơi Đàm-vô-kiệt được các tam-muội, sẽ làm Phật, cớ gì nay còn ở chỗ Phật Đại Lô Âm tu hạnh Bồ-tát?

Đáp: Phật pháp vô lượng vô biên, nếu trải qua ngàn vạn vô số kiếp siêng tu khổ hạnh còn không thể được huống nữa là Tát-đà-ba-luân một đời khổ hạnh! Lại có Bồ-tát đầy đủ đạo Bồ-tát, mười lực, bốn điều không sợ v.v... vì chúng sinh nên trú ở thế gian, chưa thủ chứng thật tế, như Bồ-tát Văn thù sư lợi v.v... Tát-đà-ba-luân hoặc có thể như vậy nên chưa làm Phật. Tam-muội của Bồ-tát nhiều như số vi trần trong mười phương các cõi nước, mà Tát-đà-ba-luân mới được sáu vạn tam-muội thì đâu đủ cho là nhiều? Phật Đại Lô Âm như rồng chúa lớn sắp muốn mưa nên làm chấn động sấm sét; chim sẻ, côn trùng nhỏ thấy đều sợ hãi. Phật ấy khi mới Chuyển pháp luân, mười phương chúng sinh đều phát tâm, ngoại đạo tà kiến đều sợ hãi nhiếp phục, nên người trời và chúng sinh xưng gọi Phật là Đại Lô Âm. Phật ấy nay đang ở trong hiện

tại.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân làm thế nào cầu Bát-nhã Ba-la-mật? Bồ-tát Tát-đà-ba-luân chưa được bất thoái chuyển, cố sao gọi là Bồ-tát ma-ha-tát?

Đáp: Vì có đại tâm lớn nên tuy nhỏ mà cũng gọi là đại. Vì người kia tuy chưa được trí tuệ chân thật mà có thể nhớ nghĩ sâu Bát-nhã Ba-la-mật, do không tiếc thân mạng nên có công đức lớn, cũng gọi là Bồ-tát ma-ha-tát.

Hỏi: Sao gọi là Tát-đà-ba-luân? Tát-đà nghĩa là thường; ba-luân nghĩa là khóc; đó là tên do cha mẹ đặt, hay là tên theo nhân duyên nào?

Đáp: Có người nói: Do vị ấy khi nhỏ ưa khóc nên tên là Thường khóc. Có người nói: Bồ-tát ấy thực hành tâm đại bi nhu nhuyễn nên thấy chúng sinh ở trong đời ác nghèo cùng, già chết, ưu khổ mà thường khóc, vì thế nên mọi người gọi là Tát-đà-ba-luân. Có người nói: Bồ-tát ấy vì cầu Phật đạo, xa lìa mọi người, ở chỗ trống vắng, tâm cầu xa lìa, nhất tâm, suy nghĩ, trừ lượng, siêng cầu Phật đạo. Đời bấy giờ không có Phật, Bồ-tát ấy thực hành tâm từ bi. Vì có ít nhân duyên nên sinh vào đời không có Phật, vị ấy có tâm bi, đối với chúng sinh muốn siêng năng không dứt, nên ở chỗ rừng núi trống vắng. Vị ấy nhờ nhân duyên đời trước và đời nay nhất tâm, có ước muốn lớn, sức tinh tấn lớn, do hai nhân duyên ấy nên nghe trong hư không có tiếng dạy bảo, không bao lâu liền dứt, tâm lại nghĩ rằng: Tại sao ta không hỏi? Do nhân duyên ấy nên ưu sầu, khóc lóc bảy ngày bảy đêm. Nhân vì thế mà trời, rồng, quỷ, thần gọi là Thường khóc. Như Phật đáp Tu-bồ-đề: Đời quá khứ có Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không tiếc thân mạng, không tham tài lợi, khi cầu Bát-nhã Ba-la-mật, ở rừng đồi trống vắng nghe có tiếng giữa hư không.

Hỏi: Tiếng giữa hư không là tiếng gì?

Đáp: Hoặc chư Phật, Bồ-tát, chư Thiên, Long vương vì thương xót chúng sinh nên thấy người ấy không đắm trước thế gian, nhất tâm cầu Phật đạo, song vì lúc đó không có Phật pháp nên chư Phật muốn làm nhân duyên mở bày cho người kia được Bát-nhã nên giữa hư không phát ra âm thanh.

Có người nói: Tát-đà-ba-luân là người có nhân duyên lành đời trước, ở trong rừng làm quỷ thần thấy người kia sầu khổ, vì người là nhân duyên đời trước. Lại, quỷ thần ấy cũng cầu Phật đạo; do hai nhân duyên ấy nên phát ra âm thanh.

Như Bà-la-môn Mật-bát vì Tu-đạt-đa mà đi đến thành Vương-xá. Khi đến nhà vị đại trưởng giả hỏi vợ cho con, Mật-bát ở giữa chúng lớn Bà-la-môn của thành Vương-xá, vì ăn uống quá độ, sinh bụng mà chết, nên sinh làm quỷ thần ở trên cửa thành Vương-xá.

Tu-đạt-đa nghe Bà-la-môn ấy đã chết nên tự mình đi đến nhà vị trưởng giả ở lại. Vị trưởng giả cuối đêm thức dậy sớm đủ thức ăn uống, Tu-đạt-đa hỏi: “Ông có việc gì vậy? Vì muốn cưới vợ, gả chồng cho con, hoặc muốn mời đại quốc vương hay vì trẩy hội, cố sao sửa soạn gấp rút như vậy?”.

Trưởng giả đáp: “Tôi muốn thỉnh Phật và chúng Tăng”.

Tu-đạt nghe tên Phật thì kinh hãi, mừng rỡ đến dựng lông. Trưởng giả trước đã được dấu đạo, bèn nói rộng công đức cho Tu-đạt nghe. Tu-đạt-đa nghe xong ưa vui tội độ nên rất muốn thấy Phật. Do tâm nhớ nghĩ Phật mà đêm ít ngủ, vì tâm nhớ nghĩ Phật chí thiết nên giây lát thức dậy, giữa đêm thấy trăng sáng cho là mặt trời mọc, liền đứng dậy đi đến cửa, thấy cửa an toàn đã mở. Cửa thành Vương-xá đầu đêm chưa đóng, vì khách đến; cuối đêm mở sớm, vì khách đi. Đã thấy cửa mở liền đi thẳng đến chỗ Phật.

Lúc ấy Phật đang ở giữa rừng lạnh. Khi đang đi giữa đường thì trăng lặn, trời trở lại tối. Tâm Tu-đạt hối hận do dự muốn vào thành trở lại.

Bấy giờ thần Mật-bát phóng ánh sáng nơi thân chiếu khắp khu rừng vắng, bảo: “Này cư sĩ, cư sĩ chớ sợ hãi, cứ đi, đừng trở lại. Đi thì được lợi ích lớn”, như trong Kinh đây nói rộng. Tu-đạt-đa thấy Phật thì chứng được quả Tu-đà-hoàn, thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng đến nước Xá-vệ, suốt đời cúng dường. Phật sai Xá-lợi-phất làm thầy Tu-đạt-đa, ở tại nước Xá-vệ dựng tinh xá. Như vị thần tri thức của Tu-đạt chỉ đường, thiện tri thức của Tát-đà-ba-luân cũng chỉ đường như vậy. Thế nên thấy người kia sầu khổ mà chỉ đường, nói rằng: Này thiện nam tử! Ông từ đây đi về phương Đông, trong khi đi chớ nghĩ đến mỗi một v.v...

Hỏi: Mỗi một, đói khát, lửa đến bức thân, vì sao không nghĩ đến?

Đáp: Vì sức muốn tinh tấn nên nhất tâm ưa vui Phật đạo mà không tiếc thân mạng. Những việc nghĩ ngợi, ăn uống đều là giúp cho thân, việc ấy tuy đến mà không làm loạn tâm, vì đều vô thường, hư vọng, không thật như giấc, như oán, chỉ làm vui cho thân, nên đâu đủ để nghĩ đến? Nên chớ vì đói khát, mệt nhọc mà bỏ Phật đạo.

Chớ nghĩ đến ngày đêm là chớ nghĩ đến ngày tu hành, đêm phải nghỉ ngơi. Thật ra không có ngày đêm. Vì cố sao? Vì mặt trời bị bóng

núi Tu-di che khuất nên gọi là đêm.

Chớ nghĩ đến trong ngoài là chúng sinh phần nhiều đấm trước vào pháp bên trong. Pháp bên trong là thân, pháp bên ngoài là năm dục. Pháp trong ngoài không nhất định, vì tính Không cho nên không nên đấm trước.

Chớ xem phải trái là do tâm tà vạy mà hành đạo nên mới xem phải, xem trái. Hành giả không có việc gì phải xem lui sau, còn trước mặt thì không thể không xem, nên chỉ nói chớ xem phải, trái.

Lại nữa, ma thường làm loạn và mê hoặc hành giả: Hoặc hiện các hình tướng, hiện sắc đẹp, hiện làm thú dữ ở hai bên phải trái, cho nên chớ xem. Đây đều là ngăn dứt tâm niệm thô động.

Chớ hủy hoại tướng thân và tướng sắc là năm uẩn hòa hợp nên giả gọi là thân. Nếu nói nhất định có thân ấy riêng thì là phá hoại thân tướng; nếu đấm pháp không có thân cũng là hủy hoại thân tướng. Là tướng một, khác, có, không ấy mà thực hành trung đạo thì mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế nên nói chớ hủy hoại tướng thân. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu hủy hoại các tướng ấy thì đối với Phật pháp có chướng ngại.

Phật pháp có chướng ngại là phải qua lại trong năm đường sinh tử, không thể được Bát-nhã Ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân đáp lại tiếng giữa hư không mà tự nói nhân duyên: Tát-đà-ba-luân thấy hết thấy chúng sinh đọa trong chỗ vô minh tăm tối, ta muốn vì họ thấp ánh sáng trí tuệ. Hết thấy chúng sinh có hết thấy phiền não, ta muốn thiết lập hết thấy thứ thuộc Phật pháp, vì hết thấy chúng sinh đều đọa vào đường tà nên ta cầu đạo vô thượng. Ba thế nguyện ấy khi được Bát-nhã Ba-la-mật thì có thể đầy đủ; thế nên nói là thọ giáo.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân không thấy hình tướng người kia, chỉ nghe âm thanh người kia, cơ sao lại nói là thọ giáo?

Đáp: Như người tìm việc gấp, nên nghe tiếng liền cảm ứng. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy.

Lại nữa, nghe người kia nói lí lẽ hay ho thì biết người kia cũng hay ho nên không cần mắt thấy. Như trong chỗ tối tăm có các chúng sinh mắt tuy không trông thấy mà nghe tiếng nói cũng biết nó loại gì.

Bấy giờ tiếng giữa hư không lại tán thán rằng: “Lành thay!”. Người đó tuy không thấy hình tướng mà có thể tin thọ lời nói để thực hành. Lại người đó muốn độ hết thấy chúng sinh nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm không biếng nhác, dừng nghỉ. Có các nhân duyên như vậy nên tán thán lành thay.

Đối với ba môn giải thoát nên sinh tín tâm là ba môn ấy là cửa vào thật tướng các pháp, lia ba môn ấy đều là hư dối, không có chân thật. Người tuy chưa được mà nhờ sinh tín căn, tín lực lớn; vì tín căn tín lực nên dần dần đầy đủ các căn.

Dem tâm lia tướng mà cầu Bát-nhã Ba-la-mật là quán các pháp rốt ráo không, lia tướng chúng sinh, lia tướng pháp.

Hỏi: Ba môn giải thoát thu nhiếp vào hết trong Bát-nhã chăng? Nếu thu nhiếp thì có gì lại nói riêng? Nếu không thu nhiếp thì có gì nói hết thấy pháp trợ đạo đều thu nhiếp trong Bát-nhã?

Đáp: Hết thấy pháp đều vào trong Bát-nhã. Con người đều vì sợ khổ nên cầu giải thoát. Cho nên đối với phần Bát-nhã, trước tiên nói ba môn giải thoát. Do nhân duyên gì được giải thoát ấy? Do lia hai bên là tướng chúng sinh và tướng pháp mà hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Trước tiên dạy tinh tấn, sau dạy ba môn giải thoát và Bát-nhã; nay lại muốn vì việc gì nữa nên dạy gần gũi thiện tri thức?

Đáp: Tuy có pháp tốt lành song nếu không ai dạy thì tuy có thực hành mà sai lầm nhiều; thí như tuy có thuốc tốt mà cũng cần có thầy thuốc giỏi. Lại, Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát mới phát tâm, mà Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu xa, làm sao chỉ nghe giữa hư không dạy sơ lược mà có thể đầy đủ được? Nên dạy rằng, phải thân cận thiện tri thức. Ý nghĩa thiện tri thức như trước đã nói, nay lược nói hai tướng thiện tri thức: Một là dạy nhất tâm hướng đến Nhất thiết trí; hai là dạy pháp Bát-nhã Ba-la-mật, Không, Vô tướng, Vô tác, không sinh, không diệt v.v... Nếu dạy được như vậy thì không bao lâu được Bát-nhã Ba-la-mật; như thầy thuốc vì người bệnh nói cách uống thuốc: Ông có thể uống đúng cách thì bệnh mau lành.

Hoặc nghe từ trong kinh, từ Bồ-tát nói là khiến Tát-đà-ba-luân đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ở đó hai nơi có Bát-nhã: Một là quyển sách vàng ở trên đài báu; hai là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói. Nếu người có nhiều phước đức thì nghe từ Đàm-vô-kiệt; người có phước đức ít thì nghe từ quyển kinh. Đối với thầy sinh tâm tưởng như Phật, vì là nhân duyên dạy cho Phật đạo. Kể tiểu nhân ở thế gian khi được việc rồi thì quên mất ơn nghĩa, nghĩ rằng: Như người chèo thuyền qua sông, đến bờ kia rồi cần gì chiếc bè. Vì thế nên nói: Ông nên biết ơn, nên nghĩ rằng, từ người đó ta nghe được Bát-nhã, tức là thiện tri thức của ta. Trong tất cả lợi ích, lợi ích của Bát-nhã là hơn hết. Thực hành Bát-nhã ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thoái chuyển. Lại nhân thực hành Bát-nhã nên gần gũi chư Phật, thường sinh trong nước có

Phật, xa lìa chỗ tám nạn, được gặp Phật ở đời. Bồ-tát nên nghĩ rằng : Ta được các công đức như vậy đều từ Bát-nhã, mà Bát-nhã Ba-la-mật từ nơi thầy mà có được; vì thế nên xem thầy như Phật. Có người nói: Được Bát-nhã Ba-la-mật thì có phước đức lớn, nhiều thiện tri thức, được nhiều cúng dường.

Đệ tử lúc đầu vì Bát-nhã nên theo thầy, nhưng sau dần dần vì cúng dường, lợi dưỡng. Vì thế nên nói chớ vì lợi dưỡng thế gian mà đi theo thầy.

Hỏi: Vì cớ gì không chỉ nói thân cận thiện tri thức mà còn nói các nhân duyên ấy?

Đáp: Có người đã được thiện tri thức mà không được vừa ý, trở lại thành oán thù, nên bị đọa vào địa ngục, lại hủy báng nhau. Duy chỉ có Phật mới không có các lỗi lầm, còn những người khác, ai có thể không có lỗi lầm? Đệ tử thấy lỗi của thầy hoặc thật hoặc hư, tâm người đó tự bại hoại, không còn được lợi ích của pháp. Thế nên tiếng nói giữa hư không dạy rằng: Nếu thấy lỗi thầy thì chớ khởi tâm hiềm hận, mà nên nghĩ rằng phước đức đời trước của ta không đầy đủ nên không được gặp Phật. Nay gặp vị thầy thực hành hỗn tạp ấy, ta không nên nghĩ đến tội lỗi của người đó để rồi ngăn mất Bát-nhã của mình. Tội lỗi của thầy không dính gì ta, ta chỉ theo thầy thọ học Bát-nhã Ba-la-mật. Thí như đây da chó đựng vật báu, không nên vì da mà bỏ vật báu; như người tội cầm đuốc soi đường, không thể vì người tội mà không chịu nhờ ánh sáng ấy để tự rơi vào hầm hố. Lại như đi xa có người nhỏ dẫn đường, không thể vì người nhỏ nên không theo lời họ. Có các nhân duyên như vậy cho nên không nên xa lìa thầy. Thầy nếu thật có tội còn không nên xa lìa, huống nữa trong đây do ma biến trá khiến người thuyết pháp đắm vào năm dục thâm diệu khiến đệ tử không đi sâu vào pháp! Người thuyết pháp vì phương tiện nên thị hiện lãnh thọ cúng dường. Phương tiện là muốn làm nhân duyên cho chúng sinh gieo phước, cũng vì lấy đồng sự nhiếp mà nhiếp hóa chúng sinh. Lại có các Bồ-tát vì thông đạt thật tướng các pháp nên không bị chướng ngại, không có tội lỗi; tuy có tội lỗi cũng không trở ngại, như người tuổi trẻ sức mạnh, lửa nóng trong bụng, tuy không thích ăn uống mà không sinh bệnh. Lại như có thuốc tốt, tuy bị chất độc mà không thể làm hại. Có các nhân duyên như vậy nên chớ khởi tâm hiềm hận mà mất Bát-nhã của mình như trong Kinh đây nói. Lại có người thuyết pháp trì giới thanh tịnh, xa lìa năm dục, hiểu nhiều biết nhiều, có tiếng tăm tốt, oai đức tôn trọng, đệ tử thọ pháp mà không đoái nghĩ đến lợi lộc của đệ tử; nơi đó ông chớ sinh oán hận,

mà nên nghĩ rằng, vì tội ta đời trước nên nay làm tiểu nhân. Thầy không khinh ta, mà ta tự vô phước nên không được gần gũi. Lại, ta ở chỗ thầy nên phá tâm kiêu mạn, tâm vì lợi cầu pháp. Có các hạng thầy như vậy, Bồ-tát vì cầu Bát-nhã Ba-la-mật nên chỉ nhất tâm cung kính, không nghĩ đến chỗ hay dở của thầy. Nếu nhẩn nhục được như vậy, thì đối với thầy nhất tâm, không khởi tâm thêm bớt nên ông ở chỗ thầy được nhiều diệu pháp; như đồ vật hoàn hảo bền chắc, đựng gì cũng không lọt mất.

Tát-đà-ba-luân nghe tiếng nói giữa hư không xong, từ đó đi về phương Đông như trong Kinh này nói rộng.

